TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 293/2018/DS-PT
Ngày: 04/9/2018
V/v tranh chấp: *"Đòi lại tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em**

Bà **Võ Thị Thu Thúy**

Thư ký phiên toà: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2018/TLPT– DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp "Đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 123/2018/DS-ST ngày 24 tháng 04 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đoàn Thị C** – sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: ấp PA, xã PQ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. **Lê Thị T** – sinh năm 1957; (có mặt)

2.2. **Nguyễn Thị Ngọc C** – sinh năm 1989;(có mặt)

2.3. **Nguyễn Thị Kiều T** – sinh năm 1994;(có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp BN, xã ĐHP, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

2.4. **Nguyễn Thị Mỹ Ngoan** – sinh năm 1982;(có mặt)

Địa chỉ: ấp LT, xã LA, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2.5. **Nguyễn Thị Mỹ H** – sinh năm 1985;(có mặt)

Địa chỉ: ấp MA, xã MP, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

3. Người làm chứng:

3.1. **Nguyễn Văn K** – sinh năm 1968;(vắng mặt)

3.2. **Lê Văn C** – sinh năm 1977; (vắng mặt)

3.3. **Trần Thành P** – sinh năm 1958; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp BN, xã ĐHP, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn **Đoàn Thị C.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn Đoàn Thị C trình bày:*

Bà và ông Đ chung sống với nhau vào tháng 03/2016, không có đăng ký kết hôn. Do ông Đ bị bà T đuổi ra khỏi nhà nên ông Đ kêu bà về cất nhà cùng chung sống nên bà có đưa cho ông Đ 70.000.000 đồng để cất nhà trị giá 120.000.000 đồng. Trong thời gian chung sống với ông Đ, bà có mua 69 gốc bưởi da xanh với giá mỗi gốc 20.000 đồng, tổng cộng là 1.380.000 đồng. Do trước đây, bà T và ông Đ là vợ chồng, ngày 03/3/2016 ông Đ, bà T đã được Tòa án nhân dân huyện CG công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định số 48/2016/QĐST-HNGĐ nên tài sản chung giữa ông Đ, bà T chưa chia đến ngày 26/7/2017, ông Đ chết không để lại di chúc. Sau khi ông Đ, bà T ly hôn thì bà và ông Đ chung sống với nhau và cùng bỏ tiền ra để cất nhà, mua bưởi da xanh về trồng đến khi ông Đ chết thì bà không thể sống ở đó được do bà T cùng các con đánh đập và đuổi đi. Nay bà yêu cầu bà T cùng với hàng thừa kế của ông Đ là: chị N, chị H, chị T, chị C hoàn trả số tiền mua bưởi giống là 1.380.000 đồng, tiền công chăm sóc bưởi từ ngày 13/8/2016 đến ngày 28/6/2017 là 15 tháng x 2.500.000 đồng/tháng = 37.500.000 đồng, tiền cất nhà là 70.000.000 đồng. Tổng cộng 112.058.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Lê Thị T trình bày:*

Bà và ông Đ là vợ chồng và đã được Tòa án nhân dân huyện CG giải quyết cho ly hôn nhưng tài sản chung chưa phân chia. Trước khi ly hôn bà có chia bò cho ông Đ trị giá 20.000.000 đồng đem đi sống chung với bà C, bà C đã gạt gẫm lấy hết số tiền trên. Bà C cho rằng bỏ tiền 70.000.000 đồng để cùng ông Đ cất nhà là không có vì sau khi ly hôn với bà, ông Đ cất nhà rồi thì bà C mới về sống. Hơn nữa, ngôi nhà cất hơn 60.000 đồng, không cất tới 120.000.000 đồng như lời trình bày của bà C. Đối với 69 gốc bưởi da xanh là do ông Đ trồng trong thời gian bà và ông Đ còn sống chung, còn là vợ chồng. Khi ông Đ cất nhà thì bà có hỏi thì ông Đ nói nhà do ông cất bằng tiền của ông. Bà có hỏi bà C có phụ tiền gì hay không thì ông trả lời không có và bà C cũng không có phụ công sức gì đối với 69 gốc bưởi. Nay bà không đồng ý trả

số tiền 112.058.000 đồng cho bà C vì bà không có công sức hay tiền bạc gì trong tài sản này.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N và chị Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:*

Hai chị là con của bà T và ông Đ. Ông Đ cất nhà là do ông thu hoạch thanh long và tiền bán bò. Sau khi cất nhà xong thì bà C dọn về sống. Đối với 69 gốc bưởi là do ông Đ trồng lúc còn chung sống với bà T, không liên quan gì với bà C và bà C cũng không có công gì trong việc chăm sóc 69 gốc bưởi này. Nay hai chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:*

Ông Đ cất nhà bằng tiền trúng thanh long và bán bò, đây là tài sản mà ông Đ và bà T tự thỏa thuận phân chia sau ly hôn. Sau khi cất nhà xong, bà C mới về sống chung với ông Đ, hoàn toàn không có chuyện bà C đưa tiền cho ông Đ cất nhà. Thời điểm bà C về sống chung, tài sản ông Đ đã có một công thanh long đã thu hoạch, một căn nhà nằm trên đất trồng thanh long, một công đất bưởi đang chăm sóc, ông Đ hoàn toàn độc lập về tài snar với bà C, ông Đ và bà C không có bất cứ giấy tờ nào chứng minh mối quan hệ vợ chồng nên bà C không có quyền yêu cầu tài sản. Nay chị không đồng ý với yêu cầu bà C.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

Bà C sống với ông Đ khi đó ông Đ và bà T chưa ly hôn. Bà C xúi giục nhiều lần ông Đ về đánh đập mẹ con chị. Trước khi ly hôn, bà C đã phá gia đình của chị rồi kêu ông Đ lấy tiền cho bà C, bà C làm đủ mọi cách để ông Đ ly hôn với bà T để sống với bà C vì bà C sống lang thang không nhà cửa. Ngôi nhà là do ông Đ cất riêng bằng tiền bán thanh long và bưởi là do ông Đ trồng lúc bà C chưa về sống chung. Nay chị yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2018/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

-Căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

-Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự;

-Căn cứ nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, bà Đoàn Thị C có đơn kháng cáo kính mong Tòa cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Đoàn Thị C thừa nhận khi bà về sống chung với ông Đ thì đã có trồng bưởi. Bà yêu cầu bà T cùng với hàng thừa kế của ông Đ trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng tiền cất nhà, 69 gốc bưởi da xanh trị giá 1.380.000 đồng và tiền công chăm sóc bưởi từ ngày 13/8/2016 đến ngày 28/6/2017 là 15 tháng x 2.500.000đồng/tháng = 37.500.000 đồng, tổng cộng là 112.058.000 đồng.

Bà Lê Thị T, chị Nguyễn Thị Ngọc C, chị Nguyễn Thị Kiều T, chị Nguyễn Thị Mỹ N và chị Nguyễn Thị Mỹ H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C cùng trình bày thống nhất ông Đ xây nhà là bằng tiền riêng của ông Đ đó là tiền bán thanh long và bán bò. Còn đối với 69 gốc bưởi là được ông Đ trồng trong lúc còn sống chung với bà T nên họ không đồng ý trả tiền cây bưởi giống và cũng không đồng ý trả công chăm sóc bưởi cho bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Nguyên đơn Đoàn Thị C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của bà. Bà C yêu cầu bà T, chị N, chị H, chị C, chị T trả số tiền mua giống bưởi da xanh là 1.380.000 đồng, tiền công chăm sóc bưởi là 37.500.000 đồng và tiền cất nhà là 70.000.000 đồng, tổng cộng là 112.058.000 đồng là không có căn cứ. Bởi vì, tại Tòa án cấp phúc thẩm nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ gì khác để chứng minh rằng bà đã đưa cho ông Đ tiền cất nhà, tiền mua giống bưởi da xanh cũng như không có đưa ra được chứng cứ chứng minh công sức của mình vào việc chăm sóc vườn bưởi. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 123/2018/DS-ST ngày 24 tháng 04 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các nguyên đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa giữa bà C, bà T, chị N, chị H, chị C, chị T Tòa án cấp sơ thẩm xác định“Tranh chấp đòi tài sản” là phù hợp Điều 166 Bộ Luật dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà C cho rằng ông Đ và bà T đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn. Sau khi ly hôn thì ông Đ và bà C cùng cất một ngôi nhà chung để chung sống. Khi ông Đ cất nhà thì bà C có đưa cho ông Đ số tiền 70.000.000 đồng. Ngoài ra, lúc ông Đ trồng bưởi da xanh thì bà C có đưa tiền cho ông Đ mua cây giống về trồng với giá trị 1.380.000 đồng. Bên cạnh đó, bà còn yêu cầu tính tiền công chăm sóc bưởi 15 tháng tương đương số tiền 37.500.000 đồng, tổng cộng là 112.058.000 đồng. Đối với yêu cầu kháng cáo

của bà C là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Bởi lẽ: Đối với số tiền 70.000.000 đồng thì bà C đã xuất trình một số hóa đơn, cụ thể: phiếu tạm tính ngày 16/3/2016 của doanh nghiệp tư nhân thương mại – dịch vụ Kiều Khánh; hóa đơn ngày 25/4/2016 của cửa hàng xây dựng – vật tư nông nghiệp Sáu Ửng, 01 tờ giấy thể hiện tiền công làm nhà ngày 09/02/2016 và hóa đơn thể hiện số tiền 5.710.000 đồng của tiệm cửa sắt Phúc Lữ đều ghi tên khách hàng là anh Sáu hoặc anh Sáu Đực và cũng do ông Đ kêu công làm nhà; Còn hóa đơn bán hàng ngày 25/3/2016 của cửa hàng vật liệu xây dựng Tám Vân, 01 tờ giấy màu xanh có thể hiện số tiền là 8.241.000 đồng không thể hiện được tên khách hàng, ngoài ra, theo lời trình bày của một số nhân chứng thì cho rằng có thấy bà C đưa tiền cho ông Đ nhưng không biết đưa bao nhiêu hoặc có nghe ông Đ nói lại là bà C có đưa tiền để ông Đ cất nhà , tuy nhiên lời làm chứng có thể thay đổi do đó đây không phải là chứng cứ trực tiếp. Đối với tiền mua giống bưởi da xanh thì bà C cũng không có giấy tờ chứng minh rằng mình đã đưa tiền cho ông Đực để mua cây giống, hơn nữa, tại phiên tòa bà C trình bày ông Đực trồng bưởi trước khi bà về sống chung phù hợp với lời trình bày của bị đơn. Đối với 15 tháng tiền công chăm sóc bưởi, xét thấy thời gian từ ngày 13/8/2016 đến ngày 28/6/2017 đây là khoảng thời gian bà C, ông Đ chung sống với nhau nên việc chăm sóc cây trồng và thu lợi nhuận từ cây trồng là công sức của ông Đ, do đó, bà C yêu cầu tiền công chăm sóc bưởi cũng không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm: 123/2018/DS-ST ngày 24 tháng 04 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bà C không được Hội đồng xét xử chấp nhận, do đó, bà C còn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2018/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị C.

[2] Về án phí:

+ Bà C phải chịu 5.444.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 3.101.000 đồng theo biên lai thu số 35676 ngày 02/10/2017, biên lai thu số 0014557 ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CG. Vậy bà C còn phải nộp tiếp số tiền là 2.343.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CG;
- CC THADS huyện CG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sâm Hương